

SỞ Y TẾ BẮC GIANG
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN
Số: 203/QĐ-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bắc Giang, ngày 25 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Bệnh viện Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 135/TB-SYT ngày 23/5/2023 của Giám đốc Sở Y tế Bắc Giang về việc xét duyệt quyết toán năm 2022

Xét đề nghị của Trưởng Phòng TCKT.

QUYẾT ĐỊNH:

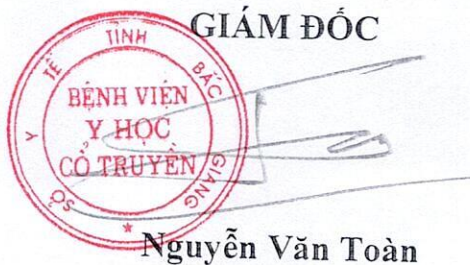
Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán năm 2022 của Bệnh viện Y học cổ truyền Bắc Giang (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Lãnh đạo đơn vị, Trưởng các khoa, phòng và toàn thể cán bộ, công chức viên chức người lao động thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Bắc Giang (B/c)
- Lãnh đạo đơn vị
- Các Khoa, phòng;
- Website của Bệnh viện;
- Lưu :VT, TCKT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Toàn

Bắc Giang, ngày 25 tháng 5 năm 2023

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 203/QĐ-BV ngày 25 tháng 5 năm 2023)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	43.405	43.405		
1	Thu viện phí	43.242	43.242		
2	Thu dịch vụ căng tin, nhà xe, quầy thuốc	163	163		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	44.734	44.734		
I	Chi sự nghiệp.....	44.734	44.734		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	44.734	44.734		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	26	26		
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	8	8		
I	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...	-	-		
2	Phí	-	-		
	Phí ...	-	-		
3	Thu dịch vụ	8	8		
	Dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	8	8		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.553	1.553		
I	Nguồn ngân sách trong nước	-	-		
1	Chi quản lý hành chính	1.553	1.553		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	525	525		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.028	1.028		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	

8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				